

Số: /KH-THCS

Lưu Kiếm, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường Phổ thông có nhiều cấp học, ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018;

Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/04/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học;

Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Công văn 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp;

Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/07/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2025-2026.

II. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA QUỐC GIA, ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

Toàn thể các Bộ, Ban, Ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thay đổi vận mệnh và sự phát triển của quốc gia. Các Bộ đã phối hợp để có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền rất quan tâm đến việc phát triển giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

1.2. Thách thức

Học sinh nhà trường chủ yếu là con em gia đình thuần nông, khoảng 30% có điều kiện kinh tế khó khăn, cha mẹ lo làm ăn xa, cha mẹ ly dị để con ở với ông bà già yếu nên việc quan tâm và quản lý con em trong việc tự học, tự nghiên cứu bài ở nhà còn rất hạn chế.

Khoảng 30% phụ huynh học sinh chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc học tập của con em mình, còn khoán trắng cho nhà trường.

Do mới sắp xếp lại đơn vị hành chính, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp nên còn gặp khó khăn trong việc thực hiện chỉ đạo của các cấp quản lý.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số phòng học đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng; có phòng máy tính dành cho học sinh học và thực hành môn Tin học; có mạng internet kết nối đến từng lớp; các lớp có ti vi màn hình 75 inch, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

Có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo; 70% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên, trong đó có 8% cấp thành phố, có 1 giáo viên cốt cán được tham gia bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Cán bộ quản lý nhà trường công tác lâu năm, có kinh nghiệm, biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

Phụ huynh học sinh tin tưởng, có sự phối kết hợp với các thầy cô, với nhà trường trong việc bổ sung CSVC và giáo dục học sinh. Đại đa số học sinh ngoan hiền, lễ phép. Có trên 75% học sinh có ý thức trong học tập và rèn luyện.

2.2. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên/lớp không đảm bảo theo quy định (hiện có 1,4 giáo viên/lớp) lại lệch về cơ cấu, còn có môn học không có giáo viên đúng chuyên môn (không có giáo viên môn Âm nhạc), một số môn thiếu giáo viên (Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục công dân).

Bãi tập hiện chưa có, sân chơi còn quá hẹp, ảnh hưởng đến hoạt động vui chơi và luyện tập thể dục thể thao và học tập của học sinh.

Chưa có tổng phụ trách chuyên trách, còn phải cử giáo viên kiêm nhiệm.

Không có nhân viên thư viện còn phải cử giáo viên kiêm nhiệm.

Thiết bị dạy học của nhà trường chưa thực sự đủ về số lượng, chưa đảm bảo chất lượng để phục vụ cho dạy học. Các phòng học chức năng còn thiếu so với quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020

Hệ thống máy tính trang bị cho phòng Tin đã cũ, cấu hình thấp, thường xuyên hỏng hóc nên khó khăn cho giảng dạy môn Tin học.

Hiện không có phòng học bộ môn; trang thiết bị sử dụng cho môn Âm nhạc, Ngoại ngữ, Mỹ thuật còn thiếu rất nhiều.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2025-2026

Khối	Số lớp	Số học sinh				
		Số HS	Nữ	HS khuyết tật, học hòa nhập	Dân tộc thiểu số	Bình quân số HS/lớp
6	5	223	102	1	3	45
7	6	262	121	1	0	44
8	6	257	97	4	0	43
9	5	219	107	0	1	44
Tổng	22	961	427	6	4	44

3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

Phòng học: 22 phòng/22 lớp

Phòng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	9D1	9D2	9D3	9D4	9D5	7B2
Phòng	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Lớp	7B3	7B4	7B5	7B6	8C3	8C4	8C5	8C6	8C1	7B1	8C2

Phòng học bộ môn: 01 phòng (Phòng 23: Phòng bộ môn Tin)

Phòng chức năng: 08 phòng, gồm: Phòng thư viện, phòng đọc, phòng thiết bị, phòng Truyền thông, phòng hoạt động Đội, phòng Y tế, phòng sinh hoạt chuyên môn tổ KHTN, phòng sinh hoạt chuyên môn tổ KHXX.

Phòng Hiệu bộ gồm: 07 phòng, gồm: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng tiếp dân, , phòng Kế toán, phòng Văn thư-Thủ quỹ, phòng Hội đồng.

3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:

- Tổng số 22 lớp (Khối lớp 6: 5 lớp, Khối 7: 6 lớp, Khối 8: 6 lớp, Khối 9: 5 lớp): thực hiện chương trình GDPT năm 2018, không thực hiện môn học tự chọn.

- *Tổ chức dạy học:*

+ Lớp 9: thực hiện tối đa 6 ngày/tuần, mỗi ngày không quá 07 tiết, bao gồm các tiết học chính khóa theo chương trình GDPT 2018 và các hoạt động khác như: bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh chưa đạt về kết quả học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi vào lớp 10 THPT, ...

+ Lớp 6,7,8: thực hiện tối đa 5 ngày/tuần, mỗi ngày không quá 07 tiết, bao gồm các tiết học chính khóa theo chương trình GDPT 2018 và các hoạt động khác như: bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh chưa đạt về kết quả học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi vào lớp 10 THPT, ...

- *Nội dung Giáo dục địa phương:*

+ Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

+ Tài liệu dạy học: Thực hiện theo Công văn Số: 4931/SGDDĐT-GDTrH, ngày 24/07/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 (Sử dụng tài liệu của thành phố Hải Phòng biên soạn trước sáp nhập)

- *Sinh hoạt tập thể và sinh hoạt lớp:* Mỗi tháng bố trí 02 lần sinh hoạt tập thể vào trước tiết 1 ngày thứ Hai.

+ Tuần 1 tổ chức chào cờ do Hiệu trưởng chủ trì.

+ Tuần 3 tổ chức chào cờ Đội do giáo viên Tổng phụ trách chủ trì.

- *Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:*

+ Theo từng chủ đề, được phân công giáo viên có năng lực phù hợp với từng chủ đề phụ trách giảng dạy, xếp trên TKB.

+ Nội dung Sinh hoạt dưới cờ thực hiện theo khối, thực hiện vào tiết 1 lần lượt các ngày từ thứ Ba đến thứ Sáu.

+ Hoạt động trải nghiệm thực tế ngoài nhà trường tổ chức theo khối lớp học, nội dung thuộc chủ đề môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn

mục chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Phấn đấu từng bước để đến năm 2028 trường THCS Liên Khê đạt chuẩn kiểm định chất lượng ở mức độ 3, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2, xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quan trường học đẹp, đạt yêu cầu chung về chất lượng giáo dục của cấp THCS.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đối với học sinh:

2.1.1. Đối với học sinh lớp 6:

+ Về năng lực

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo	
	T	Đ	T	Đ	T	Đ
SL	156	67	178	45	156	67
%	70	30	80	20	70	30

Kết quả	Năng lực đặc thù													
	Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
SL	218	5	156	67	156	67	156	67	156	67	178	45	178	45
%	98	2	70	30	70	30	70	30	70	30	80	20	80	20

+ Về phẩm chất

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	223	0	223	0	178	45	223	0	200	23
%	100	0	100	0	80	20	100	0	90	10

Kết quả cuối năm học:

Kết quả rèn luyện: Tốt 90% trở lên, Khá không quá 10%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 60% trở lên, Đạt và Chưa đạt không quá 40% (trong đó Chưa đạt không quá 2%)

2.1.2. Đối với học sinh lớp 7:

+ Về năng lực

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo									
	T	Đ	T	Đ	T	Đ								
SL	210	52	210	52	210	52								
%	80	20	80	20	80	20								
Kết quả	Năng lực đặc thù													
	Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
SL	257	5	183	79	183	79	183	79	210	52	210	52	210	52
%	98	2	70	30	70	30	70	30	80	20	80	20	80	20

+ Về phẩm chất

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	262	0	262	0	210	52	262	0	210	52
%	100	0	100	0	80	20	100	0	80	20

Kết quả cuối năm học:

Kết quả rèn luyện: Tốt 92% trở lên, Khá không quá 8%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 63% trở lên, Đạt và Chưa đạt không quá 37% (trong đó Chưa đạt không quá 2%)

2.1.3. Đối với học sinh lớp 8:

+ Về năng lực

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo									
	T	Đ	T	Đ	T	Đ								
SL	191	33	191	33	191	33								
%	85	15	85	15	85	15								
Kết quả	Năng lực đặc thù													
	Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
SL	252	5	180	77	180	77	180	77	206	51	206	51	206	51
%	98	2	70	30	70	30	70	30	80	20	80	20	80	20

+ Về phẩm chất

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	257	0	257	0	206	51	257	0	231	26
%	100	0	100	0	80	20	100	0	90	10

Kết quả cuối năm học:

Kết quả rèn luyện: Tốt 93% trở lên, Khá không quá 7%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 65% trở lên, Đạt và Chưa đạt không quá 35% (trong đó Chưa đạt không quá 1%)

2.1.4. Đối với học sinh lớp 9:

+ Về năng lực

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo	
	T	Đ	T	Đ	T	Đ
SL	186	33	186	33	186	33
%	85	15	85	15	85	15

Kết quả	Năng lực đặc thù													
	Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
SL	215	4	164	55	164	55	164	55	186	33	208	11	208	11
%	98	2	75	25	75	25	75	25	85	15	95	10	95	10

+ Về phẩm chất

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	219	0	219	0	186	33	219	0	208	11
%	100	0	100	0	85	15	100	0	95	10

Kết quả cuối năm học:

Kết quả rèn luyện: Tốt 95% trở lên, Khá không quá 5%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 70% trở lên, Đạt không quá 30%, Chưa đạt 0%

Đảm bảo không có học sinh bỏ học trong năm học.

100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS.

2.2. Các danh hiệu thi đua:

2.2.1. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- + Chiến sĩ thi đua cơ sở: 3 người trở lên
- + Tổng số người đạt CSTĐCS và LĐTT trên 80%
- + 02 giáo viên trở lên được đề nghị UBND phường tặng giấy khen.

2.2.2. Đối với tập thể:

- + Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc.
- + Liên đội vững mạnh. Nhà trường đạt Đơn vị văn hóa.
- + 3 tổ đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, 18/22 lớp đạt lớp tiên tiến.

2.3. Một số chỉ tiêu khác:

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 90%, học nghề 10%.

Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS dự thi vào THPT công lập đạt trên 75%

Tỉ lệ học sinh thi đỗ vào THPT (tính trên số học sinh dự thi): trên 85%

Tỉ lệ học sinh thi đỗ vào THPT (tính trên tổng số TNTHCS): 65%

Điểm thi vào 10 THPT tăng 01 điểm so với năm học 2024-2025.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.

Tổ chức được 4 hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục kỹ năng sống/năm học, đảm bảo 100% học sinh cần hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.

Có giải học sinh giỏi cấp thành phố

Không có học sinh vi phạm ATGT trong năm học.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Số tiết thực hiện chương trình chính khóa:

TT	Nội dung giáo dục bắt buộc		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
1	Văn		140		140		140		140	
2	Toán		140		140		140		140	
3	Ngoại ngữ		105		105		105		105	
4	GDCD		35		35		35		35	
5	Lịch sử & Địa lý	LS	105	53	105	53	105	53	105	53
		ĐL		52		52		52		52
6	Khoa học tự nhiên	Lý	140	58	140	43	140	43	140	46
		Hoá		25		38		48		53
		Sinh		57		59		49		41

TT	Nội dung giáo dục bắt buộc		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
7	Công nghệ		35		35		52		52	
8	Tin học		35		35		35		35	
9	GDTC		70		70		70		70	
10	Nghệ thuật	AN	70	35	70	35	70	35	70	35
		MT		35		35		35		35
11	HĐTN,HN		105		105		105		105	
12	GD địa phương		35		35		35		35	
Tổng số tiết /năm học			1015		1015		1032		1032	
Số tiết trung bình/tuần			29		29		29,5		29,5	

2. Khung kế hoạch hoạt động giáo dục chi tiết

2.1. Chương trình chính khóa

2.1.1. Đối với lớp 6

Học kỳ I - Lớp 6:

MÔN/TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/môn HKI	
	08/9-13/9	15/9-20/9	22/9-27/9	29/9-04/10	06/10-11/10	13/10-18/10	20/10-25/10	27/10-01/11	03/11-08/11	10/11-15/11	17/11-22/11	24/11-29/11	01/12-06/12	08/12-13/12	15/12-20/12	22/12-27/12	29/12-03/01	05/01-10/01		
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	2	4	72	
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	2	4	72	
Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	1	3	54	
GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	27
	Địa lý	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	27
Khoa học tự nhiên	Lý	4	4	4	4	1													17	
	Hóa					3	4	4	4	4	4	1			1				25	
	Sinh											3	4	4	4	3	6	2	4	30
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	
Nghệ thuật	Â. N	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
	M.T	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
HĐTN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Tổng số tiết/tuần	29	29	29	29	29	29	29	29	33	29	29	29	29	29	29	33	21	29	522	

Học kỳ II - Lớp 6:

MÔN/TUẦN		Dự phòng	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn HKII	Tổng thời lượng/môn Cả năm
		12/01-17/01	19/01-24/01	26/01-31/01	02/02-07/02	09/02-14/02	23/02-28/02	02/3-07/3	09/3-14/3	16/3-21/3	23/3-28/3	30/3-04/4	06/4-11/4	13/4-18/4	20/4-25/4	27/4-02/5	04/5-09/5	11/5-16/5	18/5-23/5		
Ngữ văn		2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	6	4	2	68	140
Toán		2	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	2	4	4	2	68	140
Tiếng Anh		1	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	1	3	3	2	51	105
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử		1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	26	53
	Địa lý	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	25	52
Khoa học tự nhiên	Lý								2	4	4	4	4	4	4	1	6	4	4	41	58
	Hóa																			0	25
	Sinh	1	4	4	4	4	4	4	2											27	57
Công nghệ			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35
Tin học			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35
GDTC			2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34	70
Nghệ thuật	Â. N		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35
	M.T	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35
HĐTN, HN		2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	3	51	105
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35
Tổng số tiết/tuần		12	29	29	29	29	29	29	29	33	29	29	29	29	29	14	33	29	24	493	1015

2.1.2. Đối với lớp 7

Học kỳ I - Lớp 7:

MÔN/TUẦN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/môn HKI
		08/9-13/9	15/9-20/9	22/9-27/9	29/9-04/10	06/10-11/10	13/10-18/10	20/10-25/10	27/10-01/11	03/11-08/11	10/11-15/11	17/11-22/11	24/11-29/11	01/12-06/12	08/12-13/12	15/12-20/12	22/12-27/12	29/12-03/01	05/01-10/01	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	2	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	2	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	1	3	54
GD CD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	27
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	27
Khoa học tự nhiên	Lý										3	4	4	4	4	3	6	2	4	34
	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1					1				38
	Sinh																			0
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GD TC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Â. N	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	M. T	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN, HN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	33	29	29	29	29	29	29	33	21	29	522

Học kỳ II - Lớp 7:

MÔN/TUẦN	Dự phòng	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn HKII	Tổng thời lượng/môn Cả năm	
	12/01-17/01	19/01-24/01	26/01-31/01	02/02-07/02	09/02-14/02	23/02-28/02	02/3-07/3	09/3-14/3	16/3-21/3	23/3-28/3	30/3-04/4	06/4-11/4	13/4-18/4	20/4-25/4	27/4-02/5	04/5-09/5	11/5-16/5	18/5-23/5			
Ngữ văn	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	6	4	2	68	140	
Toán	2	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	2	4	4	2	68	140	
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	1	3	3	3	51	105	
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	2	26	53
	Địa lý	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1		1	1	1	25	52
Khoa học tự nhiên	Lý	1	4	4															9	43	
	Hóa																		0	38	
	Sinh				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	6	4	4	59	59
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35	
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	34	70	
Nghệ thuật	Â. N		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
	M.T		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
HĐTN, HN	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	51	105	
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
Tổng số tiết/tuần	11	29	29	29	29	29	29	29	33	29	29	29	29	29	14	33	29	25	493	1015	

2.1.3. Đối với lớp 8

Học kỳ I - Lớp 8:

MÔN/TUẦN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/môn HKI
		08/9-13/9	15/9-20/9	22/9-27/9	29/9-04/10	06/10-11/10	13/10-18/10	20/10-25/10	27/10-01/11	03/11-08/11	10/11-15/11	17/11-22/11	24/11-29/11	01/12-06/12	08/12-13/12	15/12-20/12	22/12-27/12	29/12-03/01	05/01-10/01	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	2	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	2	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	2	3	55
GD CD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	27
	Địa lý	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	27
Khoa học tự nhiên	Lý												1	4	4	3	6	2	4	24
	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3			1				48
	Sinh																			0
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GD TC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Â. N	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	M.T	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN, HN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	33	29	29	29	29	29	29	33	21	29	522

Học kỳ II - Lớp 8:

MÔN/TUẦN	Dự phòng	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn HKII	Tổng thời lượng/môn Cả năm	
	12/01-17/01	19/01-24/01	26/01-31/01	02/02-07/02	09/02-14/02	23/02-28/02	02/3-07/3	09/3-14/3	16/3-21/3	23/3-28/3	30/3-04/4	06/4-11/4	13/4-18/4	20/4-25/4	27/4-02/5	04/5-09/5	11/5-16/5	18/5-23/5			
Ngữ văn	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	6	4	2	68	140	
Toán	2	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	2	4	4	2	68	140	
Tiếng Anh	2	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3		3	3	1	50	105	
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử		1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	26	53
	Địa lý	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	25	52
Khoa học tự nhiên	Lý		4	4	4	4	2							1					19	43	
	Hóa																		0	48	
	Sinh						2	4	4	4	4	4	4	4	3	2	6	4	4	49	49
Công nghệ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	35	52	
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35	
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	34	70	
Nghệ thuật	Â. N		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	35	
	M.T	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35
HĐTN, HN	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	51	105	
GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	17	35	
Tổng số tiết/tuần	14	30	30	30	30	30	30	30	34	30	30	30	30	30	14	34	30	24	510	1032	

2.1.4. Đối với lớp 9:

Học kỳ I - Lớp 9:

MÔN/TUẦN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/môn HKI
		08/9-13/9	15/9-20/9	22/9-27/9	29/9-04/10	06/10-11/10	13/10-18/10	20/10-25/10	27/10-01/11	03/11-08/11	10/11-15/11	17/11-22/11	24/11-29/11	01/12-06/12	08/12-13/12	15/12-20/12	22/12-27/12	29/12-03/01	05/01-10/01	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	74
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	4	4	74
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	56
GD CD		1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	28
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	1	1	1	1	28
Khoa học tự nhiên	Lý	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1			1			46	
	Hóa												3	4	4	3	6	4	4	28
	Sinh																			0
Công nghệ		2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	38
Tin học		1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
GD TC		2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	38
Nghệ thuật	Â. N	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	M. T	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
HĐTN, HN		3	3	3	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	57
GDĐP		1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
Tổng số tiết/tuần		30	32	32	32	32	32	31	30	34	30	30	30	32	30	30	34	30	30	561

Học kỳ II - Lớp 9:

MÔN/TUẦN	Dự phòng	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn HKII	Tổng thời lượng/môn Cả năm	
	12/01-17/01	19/01-24/01	26/01-31/01	02/02-07/02	09/02-14/02	23/02-28/02	02/3-07/3	09/3-14/3	16/3-21/3	23/3-28/3	30/3-04/4	06/4-11/4	13/4-18/4	20/4-25/4	27/4-02/5	04/5-09/5	11/5-16/5	18/5-23/5			
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	6	2	4	0	0	66	140	
Toán	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	6	4	4	4	2	4	0	0	66	140	
Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	2	3	0	0	49	105	
GDCD		1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	16	35	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	0	0	0	25	53
	Địa lý	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	0	0	0	24	52
Khoa học tự nhiên	Lý															0	0	0	0	46	
	Hóa	4	4	4	4	4	5									0	0	0	25	53	
	Sinh							5	4	4	5	4	4	4	6	1	0	0	0	41	41
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	0	0	14	52	
Tin học	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	0	0	16	35	
GDTC	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2		2	0	0	32	70	
Nghệ thuật	Â. N	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	17	35	
	M.T		1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	0	0	0	16	35
HĐTN, HN	2	3	3	3	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3	1	3	0	0	48	105	
GĐBP	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2		2	0	0	16	35	
Tổng số tiết/tuần	24	29	30	30	31	31	31	33	29	31	32	31	31	34	14	30	0	0	471	1032	

2.2. Hoạt động ngoại khóa:

Tháng	Chủ đề	Nội dung	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Ghi chú
10/2025	Vui Trung thu	Tổ chức cho học sinh vui Trung Thu	Tập trung toàn trường	Chiều 06/10 (từ 16h)	CB, GV, NV	Cha mẹ học sinh các lớp	
11/2025	Tôn sư trọng đạo	Kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tập trung toàn trường	Sáng 20/11	BGH, TPT	CB, GV, NV toàn trường	
12/2025	Uống nước nhớ nguồn	Tổ chức nói chuyện chuyên đề về truyền thống Quân đội Nhân dân Việt Nam	Tập trung toàn trường	Sáng 22/12 (tiết 1)	BGH, TPT	CB, GV, NV toàn trường	
01/2026	Trải nghiệm	Thực hiện một số buổi ngoại khóa, thăm quan học tập tại 1 số di tích lịch sử.	Lớp 9	Trong tháng	Tổ KHXH	BGH, GVCN và Cha mẹ học sinh các lớp	
03/2026	Trải nghiệm	Thực hiện một số buổi ngoại khóa, thăm quan học tập tại 1 số di tích lịch sử.	Lớp 6,7,8	Trong tháng	Tổ KHXH	BGH, GVCN và Cha mẹ học sinh các lớp	

3. Kiểm tra đánh giá.

Việc kiểm tra đánh giá học sinh các lớp thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Môn Ngữ văn thực hiện theo Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/07/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các môn học đánh giá bằng nhận xét (Đạt hoặc Chưa đạt) bao gồm: Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).

- Các môn học còn lại đánh giá bằng điểm số (kết hợp nhận xét).

3.1. Số lần điểm kiểm tra quy định:

3.1.1. Với các môn có số lượt kiểm tra như nhau trong 4 khối lớp

STT	MÔN HỌC		Học kỳ 1			Học kỳ 2		
			ĐTX	GK	CK	ĐTX	GK	CK
1	Toán		4	1	1	4	1	1
2	Ngữ văn		4	1	1	4	1	1
3	Tiếng Anh		4	1	1	4	1	1
4	GDCD		2	1	1	2	1	1
5	Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	1	2	1	1
		Địa lý	2			2		
6	Tin học		2	1	1	2	1	1
7	GDTC		2	1	1	2	1	1
8	Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1
		MT	1			1		
9	Hoạt động trải nghiệm, HN		2	1	1	2	1	1
10	Giáo dục địa phương		2	1	1	2	1	1

3.1.2. Với các môn có số lượt kiểm tra khác nhau trong 4 khối lớp

Lớp 6

STT	MÔN HỌC		Học Kỳ 1			Học Kỳ 2		
			ĐTX	GK	CK	ĐTX	GK	CK
1	Khoa học tự nhiên	Lý	1	1	1	2	1	1
		Hóa	2			0		
		Sinh	1			2		
2	Công nghệ		2	1	1	2	1	1

Lớp 7

STT	MÔN HỌC		Học Kỳ 1			Học Kỳ 2		
			ĐTX	GK	CK	ĐTX	GK	CK
1	Khoa học tự nhiên	Lý	2			1		
		Hóa	2	1	1	0	1	1
		Sinh	0			3		
2	Công nghệ		2	1	1	2	1	1

Lớp 8

STT	MÔN HỌC		Học Kỳ 1			Học Kỳ 2		
			ĐTX	GK	CK	ĐTX	GK	CK
1	Khoa học tự nhiên	Lý	1			1		
		Hóa	3	1	1	0	1	1
		Sinh	0			3		
2	Công nghệ		3	1	1	3	1	1

Lớp 9

STT	MÔN HỌC		Học Kỳ 1			Học Kỳ 2		
			ĐTX	GK	CK	ĐTX	GK	CK
1	Khoa học tự nhiên	Lý	3			0		
		Hóa	1	1	1	2	1	1
		Sinh	0			2		
2	Công nghệ		3	1	1	3	1	1

3.2. Thời lượng bài kiểm tra, nội dung kiểm tra:

3.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên:

- Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch trên, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học. Riêng với môn Khoa học tự nhiên không nhất thiết từng học sinh phải lấy điểm ở lĩnh vực như kế hoạch trên mà linh động lấy kết quả kiểm tra ở lĩnh vực phù hợp.

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

+ Với hình thức kiểm tra hỏi - đáp, thuyết trình: Kết quả kiểm tra phải thể hiện trong sổ ghi đầu bài. Môn (lĩnh vực) kiểm tra đánh giá bằng điểm số có từ 02 lần điểm trở lên phải có ít nhất 01 lần điểm kiểm tra theo hình thức này;

- + Với hình thức kiểm tra viết: Kết quả kiểm tra lưu trên bài viết của học sinh;
- + Với hình thức kiểm tra thông qua thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập: Kết quả kiểm tra phải lưu trên báo cáo sản phẩm.

- Không kiểm tra đánh giá thường xuyên vào tuần kiểm tra đánh giá định kỳ; hoàn thành kiểm tra đánh giá thường xuyên trước khi kiểm tra đánh giá cuối kỳ.

- Khuyến khích giáo viên các môn học đánh giá bằng nhận xét tổ chức kiểm tra đánh giá theo hình thức báo cáo sản phẩm học tập.

3.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ:

- Kiểm tra đánh giá định kỳ các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý đồng thời các lớp trong khối, các môn còn lại bố trí linh động khi đến thời điểm kiểm tra theo chương trình.

- Nội dung đề kiểm tra đảm bảo đúng tỉ lệ thời lượng học của các phân môn với kiến thức học trong từng giai đoạn tính đến thời điểm kiểm tra.

- Ma trận và đề kiểm tra thể hiện rõ nội dung ứng với từng phân môn; Đề được thẩm định do tổ chuyên môn và BGH kiểm duyệt trước khi tiến hành kiểm tra.

- Với môn học gồm nhiều phân môn: Khi tiến hành kiểm tra mỗi phân môn làm trên một tờ riêng phát cùng thời điểm để học sinh làm bài. Khi chấm giáo viên dạy phân môn nào thì chấm bài của học sinh đó đúng phân môn mình giảng dạy. Khi chấm xong giáo viên giảng dạy cộng điểm chung vào thành kết quả điểm kiểm tra định kỳ của từng học sinh...

- Thời lượng kiểm tra đánh giá 90 phút: Bao gồm các bài kiểm tra với môn học: Toán, Ngữ Văn; Lịch sử và Địa lý; Khoa học tự nhiên.

- Thời lượng kiểm tra đánh giá 60 phút: Đối với môn tiếng Anh (dành thời lượng 90 phút, trong đó giáo viên hướng dẫn ôn tập, chuẩn bị trong 30 phút, kiểm tra trong thời gian 60 phút).

- Thời lượng kiểm tra đánh giá 45 phút: Các môn còn lại (bao gồm 2 phân môn Âm nhạc và Mĩ thuật của môn Nghệ thuật mỗi phân môn 45 phút).

- Khuyến khích giáo viên các môn học đánh giá bằng nhận xét tổ chức kiểm tra đánh giá theo hình thức báo cáo sản phẩm học tập.

4. Giáo dục STEM:

Thực hiện theo văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng với mục đích: Tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục STEM; cung cấp kiến thức và tạo môi trường phù hợp để học sinh rèn luyện các kỹ năng về khoa học công nghệ như lập trình, thiết kế, tự động hóa, ... theo phương hướng chương trình giáo dục STEM; tạo điều kiện để học sinh ứng dụng công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm sáng tạo, từ đó giải quyết các vấn đề trong cuộc sống; giúp học sinh rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp và hợp tác nhóm, qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực của học sinh, sẵn sàng cho cách mạng công nghiệp 4.0. Đưa giáo dục STEM vào chương trình chính khóa các môn: Khoa học tự nhiên, Công nghệ. Mỗi học kỳ xây dựng và thực hiện 3 chủ đề.

5. Dạy thêm, học thêm trong nhà trường:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm, nhằm góp phần củng cố và nâng cao kiến thức cho học sinh, nhà trường tổ chức dạy thêm cho các lớp 9 ôn thi vào THPT theo nguyện vọng của học sinh, bồi dưỡng cho các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa, ôn tập lại cho học sinh có kết quả học tập chưa đạt cuối kỳ và cuối năm. Chỉ dạy cho học sinh có nguyện vọng.

6. Hoạt động trải nghiệm thực tế:

Mỗi chủ đề dạy học môn HĐTN,HN bố trí một số tiết trải nghiệm thực tế, giáo viên có thể chọn hình thức trải nghiệm phù hợp đưa vào chương trình nhà trường để thực hiện.

7. Bồi dưỡng, tổ chức thi học sinh giỏi:

- Giáo viên bộ môn có trách nhiệm thành lập đội tuyển môn mình được phân công (theo bảng phân công chuyên môn).

Nhà trường tổ chức thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp trường. Trên cơ sở đó thành lập đội tuyển, tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi học sinh giỏi cấp Cụm chuyên môn (nếu có) và cấp thành phố.

- Chỉ tổ chức thi với Khối lớp 9, ở các bộ môn Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Tiếng Anh. Các môn Công nghệ, Mỹ thuật do giáo viên bồi dưỡng, lựa chọn học sinh tham gia thi cấp Cụm chuyên môn trở lên.

- Với lĩnh vực TĐTT: Phân công giáo viên ôn luyện, tổ chức tuyển chọn qua HKPD cấp trường và lập danh sách tham gia dự thi HKPD cấp trên (nếu có).

8. Giáo dục Quốc phòng an ninh:

Thực hiện theo Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học.;

Thực hiện lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với từng lớp, theo sách giáo khoa do nhà trường lựa chọn, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh, tập trung vào các môn học: Ngữ văn; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lý; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Nội dung giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

9. Xây dựng trường học hạnh phúc:

Căn cứ vào các tiêu chí xây dựng trường học hạnh phúc, tạo dựng và duy trì nhà trường mà ở đó học sinh và CB, GV, NV được yêu thương, được tôn trọng, được an toàn, được hiểu và được có giá trị; phát triển môi trường nhà trường thân thiện, văn minh, cùng hợp tác vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi thiếu chuẩn mực đạo

đức hoặc các hành vi làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm đội ngũ CB, GV, NV, học sinh. Góp phần tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động về đạo đức, năng lực ứng xử sư phạm của đội ngũ CB, GV, NV và học sinh, hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc không chỉ là nơi cung cấp và đáp ứng các nhu cầu giáo dục mà phải là nơi tạo ra hạnh phúc góp phần tạo nên một xã hội hạnh phúc để có thể tăng trưởng và phát triển bền vững.

10. Tăng cường xã hội hóa giáo dục:

Đề xuất Ủy ban nhân dân phường cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường.

Xây dựng kế hoạch vận động tài trợ, xã hội hóa giáo dục và trình UBND phường phê duyệt. Công khai, minh bạch quy trình thực hiện, kết quả, việc sử dụng tài trợ. Kêu gọi sự hỗ trợ cả về nhân lực, trí tuệ của các lực lượng trong xã hội nhằm góp phần cải tiến các hoạt động giáo dục, nâng chất lượng giáo dục của nhà trường.

11. Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số:

Chú trọng ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý. Sử dụng CNTT, trang thông tin điện tử có hiệu quả để thực hiện công khai các mặt hoạt động của nhà trường. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các báo cáo trực tuyến và hoạt động chuyên môn trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, xây dựng hiệu quả kho học liệu số chia sẻ dùng chung, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Công tác quản lý sổ điểm điện tử tại trường được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở dữ liệu học sinh và giáo viên được cập nhật và quản lý theo sự phân công do Hiệu trưởng quyết định; thực hiện nghiêm túc quy định, quy chế quản lý và sử dụng sổ điểm điện tử trong nhà trường. Cập nhật thông tin giáo viên, học sinh trên hệ thống CSDL.

12. Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, bồi dưỡng giáo viên:

Tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nâng chuẩn; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy. Thực hiện bồi dưỡng giáo viên gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Thực hiện đầy đủ chương trình bồi dưỡng thường xuyên để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình GDPT 2018.

Tổ chức thực hiện lựa chọn sách giáo khoa công khai theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn.

13. Công tác pháp chế:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Xây dựng và nghiêm túc triển khai thực hiện chương trình kiểm tra nội bộ: trọng tâm nội dung kiểm tra là việc thực hiện chương trình GDPT 2018, Quy chế dân chủ, công khai minh bạch tài sản, tài chính theo quy định.

Công khai chất lượng giáo dục, Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường và các hoạt động của nhà trường đến toàn xã hội; thực hiện nghiêm túc và hoàn thành đúng thời hạn công tác tuyển sinh theo chỉ đạo của huyện;

Tiếp tục thực hiện việc tự đánh giá hàng năm nhằm giữ vững mức độ kiểm định chất lượng giáo dục.

14. Công tác chính trị tư tưởng:

Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, giáo viên và nhân viên để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn trường; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh noi theo.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng chọn nghề nghiệp cho học sinh; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường, chú trọng phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết.

Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh. Tổ chức triển khai thực hiện giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng.

Tuyên truyền thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử trong nhà trường

15. Công tác cải cách hành chính:

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính: thủ tục hồ sơ, giấy tờ đầy đủ, đúng quy định nhưng không rườm rà, phức tạp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nhà trường, thực hiện và lưu trữ hồ sơ chuyên môn, học vụ, nhân sự, tài chính.

Thực hiện các loại hồ sơ, sổ sách chuyên môn theo quy định của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thực hiện Công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 61/2017/TTBTC của Bộ Tài chính ngày 15/6/2017 về hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước. Thực hiện thu, chi không dùng tiền mặt.

16. Công tác thi đua, khen thưởng

Tổ chức các phong trào thi đua góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giáo dục của nhà trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến; nâng cao chất lượng công tác xét duyệt, thẩm định hồ sơ khen thưởng; đảm bảo khen thưởng kịp thời, công khai và minh bạch đúng quy định.

17. Công tác y tế học đường:

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý dữ liệu học sinh tham gia Bảo hiểm, theo dõi sức khỏe học sinh, khám sức khỏe học sinh đầu năm.

Thường xuyên khử khuẩn, vệ sinh môi trường không gian lớp học, trường học. Thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích, chống đuối nước, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh; Phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế, chính quyền địa phương trong công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh và giáo viên, nhân viên.

18. Tổ chức các chuyên đề:

Chuyên đề tuyên truyền ATGT, phòng chống bạo lực học đường:

Tổ chức chuyên đề, mời Công an phường về tuyên truyền cho học sinh 02 lần/năm học

Dự kiến: Lần 1: Tháng 10/2025

Lần 2: Tháng 02/2026 (trước Tết Nguyên đán)

Chuyên đề tuyên truyền PCCC, phòng chống đuối nước:

Tổ chức chuyên đề, mời Công an về tuyên truyền cho học sinh 01 lần/năm học. Dự kiến: Tháng 3/2025

Các hoạt động khác:

Tuyên truyền phòng chống ma túy, tác hại của thuốc lá và thuốc lá điện tử: Thực hiện thường xuyên trong các buổi sinh hoạt dưới cờ hằng tuần.

Duy trì tốt hoạt động mô hình cổng trường ATGT; Tổ chức cho học sinh và phụ huynh học sinh ký các cam kết thực hiện và chấp hành các quy định về công tác ATGT.

19. Tổ chức các Câu lạc bộ ngoài giờ chính khóa

Câu lạc bộ Tiếng Anh.

- Mỗi tháng tổ chức sinh hoạt CLB 01 lần.
- Nội dung, hình thức do nhóm tiếng Anh tham mưu xây dựng kế hoạch.

Câu lạc bộ thể thao.

- Tổ chức câu lạc bộ Cầu lông; Đá cầu; bóng đá; Cờ vua.
- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn GDTC tham mưu xây dựng kế hoạch.

20. Công tác phối hợp

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp, đơn vị đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

21. Công tác kiểm tra, giám sát

Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học.

Thực hiện hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh...

V. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2025-2026

1. Khung kế hoạch thời gian năm học

- Ngày tựu trường:
- + Lớp 9: 25/8/2025.
- + Các lớp còn lại: 29/8/2025:
- Ngày khai giảng: 05/9/2025.
- Học kỳ 1: Từ 08/9/2025 đến trước 17/01/2026 (18 tuần thực học).
- Học kỳ 2: Từ 19/01/2025 đến 23/5/2026 (17 tuần thực học).
- Riêng với khối lớp 9 sẽ tổ chức các buổi học chính khóa liên tục để hoàn thành chương trình trước ngày 10/5/2026.
- Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026
- Xét tốt nghiệp THCS: theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể:

Tuần thực hiện chương trình	Thời gian	Những hoạt động lớn
	01/09-06/09	- Nghi lễ (01-02/9) - SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Tổng duyệt Khai giảng (04/9) - Khai giảng năm học mới (05/9)
1	08/09-13/09	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm. - Họp Phụ huynh học sinh (<i>dự kiến sáng 14/9</i>)
2	15/09-20/09	- Dạy và học theo kế hoạch - Thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi theo kế hoạch đến ngày tổ chức thi HSG
3	22/09-27/09	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm. - GV bồi dưỡng dHSG nộp danh sách học sinh đăng kí dự thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Trường về đồng chí Phó hiệu trưởng
4	29/9-04/10	- SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch

Tuần thực hiện chương trình	Thời gian	Những hoạt động lớn
5	06/10-11/10	- Dạy và học theo kế hoạch - Tổ chức Hoạt động ngoại khóa: Vui Trung thu (<i>dự kiến chiều 06/10</i>) - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
6	13/10-18/10	- Dạy và học theo kế hoạch - Hoàn thành chuẩn bị công tác thi HSG trường
7	20/10-25/10	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm. - Tổ chức Hoạt động Kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 (<i>dự kiến chiều 20/10</i>). - Thi HSG lớp 9 cấp trường
8	27/10-01/11	- Dạy và học theo kế hoạch - Ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa HKI một số môn
9	03/11-08/11	- SHCB; HỌP HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch - Tiếp tục Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá giữa HKI.
10	10/11-15/11	- Dạy và học theo kế hoạch; - Thi GVG trường - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
11	17/11-22/11	- Dạy và học theo kế hoạch - Ngoại khóa: Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, chuyên đề "Tôn sư trọng đạo" (<i>sáng 20/11</i>).
12	24/11-29/11	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
13	01/12-06/12	- SHCB; HỌP HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch
14	08/12-13/12	- Dạy và học theo kế hoạch - Thi các môn trong Kế hoạch HKPĐ cấp trường - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
15	15/12-20/12	- Dạy và học theo kế hoạch - Thi các môn trong Kế hoạch HKPĐ cấp trường vào một số buổi chiều - Khai mạc HKPĐ cấp trường (<i>chiều 20/12</i>) - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm

Tuần thực hiện chương trình	Thời gian	Những hoạt động lớn
16	22/12-27/12	- Dạy và học theo kế hoạch - Ôn tập và Kiểm tra đánh giá cuối HKI. - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
17	29/12-03/01	- Dạy và học theo kế hoạch - Nghỉ Tết dương lịch 2026 - Tiếp tục Ôn tập và Kiểm tra đánh giá cuối HKI.
18	05/01-10/01	- SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch; - Kiểm tra đánh giá bổ sung cuối HKI
Tuần dự phòng	12/01-17/01	- Dạy bù, kết thúc HKI; Sơ kết HKI - Thực hiện một số buổi ngoại khóa, thăm quan học tập tại 1 số di tích lịch sử. - Thực hiện 1 số tiết học chương trình KHII. - Tham gia thi HSG TP cấp THCS (12/01)
19	29/01-24/01	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
20	26/01-31/01	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
21	02/02-07/02	- SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch
22	09/02-14/02	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
	16/02-21/02	- Nghỉ Tết Nguyên đán (<i>dự kiến</i>)
23	23/02-28/2	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
24	02/03-07/03	- SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch - Kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ - Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá giữa HKII 1 số môn với khối lớp 9. - Tham gia thi HSG giải Toán và các môn KHTN bằng tiếng Anh (03/3)
25	09/03-14/03	- Dạy và học theo kế hoạch; - Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá giữa HKII 1 số môn. - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.

Tuần thực hiện chương trình	Thời gian	Những hoạt động lớn
26	16/03-21/03	- Dạy và học theo kế hoạch; - Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá giữa HKII - Tham gia thi GVĐG cấp THCS Đông HP (17,18/3)
27	23/03-28/03	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
28	30/03-04/04	- SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch
29	06/04-11/04	- Dạy và học theo kế hoạch - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
30	13/04-18/04	- Dạy và học theo kế hoạch - Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá 1 số môn cuối HKII với khối lớp 9.
31	20/04-25/04	- Dạy và học theo kế hoạch - Tiếp tục Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá cuối HKII - Sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.
32	27/04-02/05	- Dạy và học theo kế hoạch - Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương (<i>Dự kiến 27/4</i>) - Nghỉ lễ 30/4 và 01/5 (<i>dự kiến 2 ngày</i>)
33	04/05-09/05	- SHCB; Họp HĐSP triển khai công tác tháng. - Dạy và học theo kế hoạch; - Ôn tập và Kiểm tra, đánh giá cuối HKII với khối lớp 6,7,8. - Hoàn thành chương trình, hoàn thiện hồ sơ lớp 9
34	11/05-16/05	- Dạy và học theo kế hoạch - Xét công nhận Tốt nghiệp cho học sinh lớp 9 năm học 2025-2026 (<i>dự kiến</i>) - Chuẩn bị cho học sinh thi vào lớp 10 THPT
35	18/05-23/05	- Hoàn thành chương trình khối lớp 6,7,8 - Hoàn thành đánh giá, xếp loại học sinh - Chuẩn bị cho học sinh thi vào lớp 10 THPT
	25/05-31/05	- Chuẩn bị cho học sinh thi vào lớp 10 THPT - Hoàn thành các công việc của năm học. - Tổng kết năm học, triển khai kế hoạch Hè.

2. Quy định thời gian học

HOẠT ĐỘNG SÁNG	THỜI GIAN
Trống báo	7h00
<i>Sinh hoạt đầu giờ</i>	<i>7h00 - 7h15</i>
Tiết 1	7h15 - 8h00
Tiết 2	8h05 - 8h50
<i>Ra chơi</i>	<i>8h50 - 9h00</i>
Tiết 3	9h00 - 9h45
Tiết 4	9h50 - 10h35
HOẠT ĐỘNG CHIỀU	THỜI GIAN
Trống báo	13h45
<i>Sinh hoạt đầu giờ</i>	<i>13h45 - 14h00</i>
Tiết 1	14h00 - 14h45
Tiết 2	14h50 - 15h35
Tiết 3	15h40 - 16h25

Thời gian chuyển tiết giữa các tiết học là 05 phút

3. Lịch công tác chuyên môn

Thời gian	Nội dung
8/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự các lớp học chính trị, chuyên môn. - Ổn định nhân sự, phân công chuyên môn chuẩn bị năm học. - Trình UBND phường về Kế hoạch vận động tài trợ, Kế hoạch hợp đồng giáo viên, nhân viên. - Sinh hoạt CM: Xây dựng Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn; rà soát và xây dựng các kế hoạch cá nhân, bảng ma trận đặc tả đề kiểm tra định kỳ; chương trình nhà trường. - Bồi dưỡng và tổ chức kiểm tra đối với HS phải rèn luyện lại trong hè. Chuẩn bị đầy đủ sách và tài liệu tham khảo cho giáo viên. - Xây dựng Kế hoạch Giáo dục của nhà trường. Ban hành chương trình nhà trường năm học 2025-2026. - Duyệt kế hoạch giảng dạy của Tổ, nhóm, Kế hoạch giáo dục cá nhân.

Thời gian	Nội dung
9/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Khai giảng năm học mới. - Thảo luận phương hướng, nhiệm vụ năm học. - Xây dựng các kế hoạch thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học của nhà trường, tổ, nhóm và triển khai đến giáo viên. - Họp PHHS toàn trường. - Bồi dưỡng HSG theo kế hoạch. - Phát động tìm kiếm ý tưởng KHKT trong học sinh - Hoàn thành đề thi tham gia ngân hàng đề thi theo KH của SGD - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. Phát động thi đua đợt I - Tổ chức Hội nghị Cán bộ, Viên chức năm học 2025-2026 - Chốt danh sách HSG dự thi cấp trường
10/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Chuẩn bị điều kiện cho học sinh tham gia thi HSG trường - Đăng ký dạy tốt - học tốt đợt 1, kỷ niệm ngày PNVN 20/10. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Bồi dưỡng HSG theo kế hoạch. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa: Vui Trung Thu cho học sinh - Thi chọn đội tuyển HSG các khối lớp cấp trường - Tuyên truyền, taaph huấn về công tác chữa cháy, ATGT, ...
11/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Tiếp tục tăng cường đổi mới phương pháp dạy học. - Kiểm tra giữa kỳ 1, phân tích chất lượng giữa học kỳ 1 - Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam (tổ chức hoạt động ngoại khóa chủ đề "Tôn sư trọng đạo"). - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Bồi dưỡng HSG theo kế hoạch. - Đăng ký dạy tốt đợt II
12/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Kiểm tra tiến độ thực hiện chương trình giảng dạy bộ môn - Tổ chức ôn tập và kiểm tra cuối HKI - Tổ chức HKPĐ trường - Bồi dưỡng HSG chuẩn bị tham gia thi Cụm, thành phố.
01/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nội bộ, khảo sát lớp 9 theo kế hoạch. - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ 1, thực hiện chương trình học kỳ 2. - Sơ kết công tác học kì I, phân công chuyên môn, TKB học kì II - Hoàn thành CSDL trên hệ thống - Tổ chức ký cam kết thực hiện an toàn trong dịp Tết Nguyên đán. - Phụ đạo học sinh yếu, ôn tập cho HS thi vào lớp 10. - Thực hiện một số buổi ngoại khóa, thăm quan học tập tại 1 số di tích lịch sử (Lớp 9).

Thời gian	Nội dung
02/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác phụ đạo cho học sinh yếu - Các tổ chuyên môn triển khai các chuyên đề dạy học - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Đăng ký dạy tốt đợt III - Nghỉ Tết Nguyên đán (dự kiến từ 16/02 đến 21/02) - Tiếp tục phụ đạo học sinh yếu, ôn tập cho HS thi vào lớp 10.
3/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Đăng ký dạy tốt đợt IV, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 - Kiểm tra đánh giá giữa Học kì II - Tổ chức tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh lớp 9. - Tiếp tục phụ đạo học sinh yếu, ôn tập cho HS thi vào lớp 10. - Thực hiện một số buổi ngoại khóa, thăm quan học tập tại 1 số di tích lịch sử (Lớp 678).
4/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Kiểm tra đánh giá cuối Học kỳ II đối với khối lớp 9 - Nghỉ lễ Giỗ Tổ Hùng Vương và 30/4, 01/5 - Tuyên truyền, taaph huấn về công tác chữa cháy, ATGT, ...
5/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát việc thực hiện chương trình đảm bảo đúng tiến độ - Tổ chức ôn tập và kiểm tra cuối kì II lớp 6,7,8. - Hoàn thành đánh giá xếp loại học sinh và vào sổ điểm đúng quy định - Tổng kết năm học, hoàn thành các báo cáo và biểu mẫu thống kê. - Tổ chức ôn tập HS lớp 9 chuẩn bị kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT - Hoàn thành các loại hồ sơ học sinh theo quy định. - Xét công nhận tốt nghiệp THCS: Theo kế hoạch của Sở GDĐT - Tổng kết năm học: 31/5/2025, bàn giao học sinh về địa phương.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chuyên môn

1.1. Đổi mới quản lý dạy và học

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của ngành và các hướng dẫn trong đợt tập huấn chuyên môn, vận dụng sáng tạo và linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm hướng tới việc phát huy tính tích cực chủ động của học sinh. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học phải được sử dụng phù hợp, tránh hình thức hoặc lạm dụng.

Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, học tập gắn với thực tiễn, sử dụng di sản văn hóa trong dạy học, phát triển văn hóa đọc gắn với xây dựng các câu lạc bộ khoa học trong trường. Sử dụng các hình thức dạy ứng dụng CNTT và truyền thông.

Triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn của Sở GDĐT bảo đảm chất lượng, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của nhà trường.

Chú trọng khai thác, sử dụng các phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng bộ môn: ứng dụng, sử dụng thuần thục công nghệ thông tin và các phương tiện dạy học hiện đại, đáp ứng yêu cầu đặc thù của bộ môn vào việc soạn bài, dạy học, kiểm tra đánh giá, tạo lập hồ sơ tư liệu giảng dạy. Đặc biệt lưu ý tính khoa học, thiết thực, phù hợp và hiệu quả khi sử dụng phương tiện và đồ dùng, tránh lạm dụng, nhầm lẫn giữa phương tiện và mục đích.

Giáo viên tăng cường tổ chức hoạt động học tập cho học sinh: cần làm tốt khâu tạo tình huống học tập, định hướng, nêu câu hỏi, tạo các tình huống có vấn đề để gợi hứng thú cho học sinh; tạo cơ hội nhiều nhất để học sinh được trao đổi, thảo luận, tranh luận, đưa ra chủ kiến, đánh giá cá nhân để tự giải quyết vấn đề, chủ động chiếm lĩnh kiến thức và hình thành kỹ năng. Tăng cường giao cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho học sinh báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả tự học của mình, qua đó rèn phương pháp tự học và vận dụng kỹ năng cho học sinh, phải coi việc rèn luyện phương pháp học tập của học sinh không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học.

1.2. Xây dựng các chủ đề dạy học và chương trình nhà trường

Căn cứ vào quy định về số tiết dạy mỗi môn học, đặc điểm thực tế của nhà trường, Ban Giám hiệu thống nhất với các tổ chuyên môn lên chương trình khung cho các môn học của các khối lớp; lên kế hoạch số tiết dạy hằng tuần với khối lớp 9 để kịp tiến độ xét tốt nghiệp THCS theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo cho GV, nhóm GV cùng bộ môn xây dựng chương trình dạy học bộ môn năm học 2025-2026.

Sau khi GV, nhóm GV xây dựng hoàn thiện chương trình, trình tổ chuyên môn phê duyệt và lãnh đạo nhà trường ký ban hành để thực hiện.

1.3. Đổi mới kiểm tra đánh giá:

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021

- Các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học và hoạt động chung của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình hiện hành.

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Các nhóm chuyên môn rà soát đối với từng môn học, hoạt động giáo dục, xác định số điểm kiểm tra thường xuyên cụ thể từng môn học; xây dựng kế hoạch kiểm tra (xác định mục tiêu, lựa chọn hình thức, thời điểm kiểm tra, phạm vi kiến thức và xây dựng các tiêu chí đánh giá).

- Đối với kiểm tra đánh giá định kỳ: đ/c Phó hiệu trưởng chỉ đạo từng nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá, có hướng dẫn cụ thể trước khi tổ chức thực hiện (xác định mục tiêu, lựa chọn hình thức, thời điểm kiểm tra, phạm vi kiến thức và thời gian làm bài kiểm tra).

+ Đối với bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, ma trận đề kiểm tra được xây dựng trên các tiêu chí: nội dung kiểm tra phải nằm trong chương trình học sinh đã được học; bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng; trọng số điểm được phân cho các nội dung kiểm tra theo tỷ lệ đảm bảo tính phù hợp, phân loại học sinh. Bài kiểm tra định kỳ phải được nhận xét, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Sau mỗi bài kiểm tra định kỳ, thông qua kết quả làm bài của học sinh, giáo viên ghi rút kinh nghiệm trong giáo án để điều chỉnh cách dạy cho phù hợp. Hướng dẫn học sinh lưu đầy đủ các bài kiểm tra sau khi được giáo viên trả (nếu kiểm tra trên giấy).

+ Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng thực hành hoặc dự án học tập: phải được thể hiện trên báo cáo thực hành hoặc báo cáo dự án, yêu cầu cần đạt trong báo cáo thể hiện các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kỹ năng được sử dụng. Báo cáo này học sinh phải lưu đầy đủ sau khi được giáo viên trả.

- Khuyến khích giáo viên tổ chức kiểm tra khảo sát chất lượng môn mình phụ trách trên chương trình giáo dục trực tuyến (app: onluyen.vn)

- Tiếp tục duy trì thực hiện quy định về đề kiểm tra: Yêu cầu đề kiểm tra phải được soạn và nộp về tổ chuyên môn duyệt trước ngày tổ chức kiểm tra ít nhất 1 tuần. Khi duyệt đề phải kèm theo ma trận, đáp án, biểu điểm đối với bài kiểm tra định kỳ, kèm theo đáp án, biểu điểm đối với bài kiểm tra thường xuyên (*kiểm tra trên giấy, máy tính, thực hành hoặc dự án*). Đề chuyên về bộ phận phô tô phải có chữ kí của người duyệt thì mới được phép cho HS kiểm tra. Tất cả các đề kiểm tra phải có trong giáo án.

1.4. Nâng cao chất lượng dạy học, sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn

Chỉ đạo sát sao các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục bám sát các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thủy Nguyên, của nhà trường. Chỉ đạo từng giáo viên áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học phù hợp với học sinh, thể hiện tính tích cực, chủ động của giáo viên và học sinh.

Tập trung chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn dựa trên hướng nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc, nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

Tiếp tục thực hiện quản lý tốt hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Nâng cao chất lượng sử dụng CNTT trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế số điểm điện tử, học bạ điện tử; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng dữ liệu của phần mềm trong quản lý.

Tiếp tục đổi mới cách dự giờ, đánh giá và nhận xét giờ dạy. Khi dự giờ, người dự tập trung quan sát hoạt động học tập của học sinh để đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động học tập của học sinh với hoạt động tổ chức giảng dạy của giáo viên. Khi nhận xét đánh giá giờ dạy cần phân tích kĩ tính phù hợp giữa hoạt động giao việc của giáo viên với hoạt động tiếp nhận kiến thức của học sinh.

2. Công tác quản lý, chỉ đạo

Chỉ đạo sát sao các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục bám sát các văn bản hướng dẫn. Chỉ đạo từng giáo viên áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học phù hợp với học sinh, thể hiện tính tích cực, chủ động của giáo viên và học sinh.

Tiếp tục chỉ đạo quản lý tốt hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Nâng cao chất lượng sử dụng CNTT trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng dữ liệu của phần mềm trong quản lý.

Sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường. Phân công chuyên môn phù hợp, sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, bố trí thời gian để cán bộ giáo viên có điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, lý luận chính trị, hiểu biết xã hội. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo sự đoàn kết thống nhất cao trong các hoạt động của nhà trường.

Phó hiệu trưởng: bám sát các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, của Phòng GDĐT, đặc biệt là những điểm mới của năm học, từ đó xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn sát với đặc điểm tình hình thực tế của nhà trường.

Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn cần bám sát các kế hoạch của trường để xây dựng kế hoạch chuyên môn cho tổ, chỉ đạo các nhóm thực hiện hiệu quả.

Thực hiện thu chi tài chính đúng nguyên tắc, dân chủ, công khai, minh bạch. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Hiệu trưởng

Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn; bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn. Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm...

Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch.

Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

Tổ chức xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Giám sát, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn và các cam kết đã ký.

1.2. Phó Hiệu trưởng.

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động ngoại khóa;

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác giáo dục học sinh.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng quy định. Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

Giám sát, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn và các cam kết đã ký.

1.3. Chủ tịch Công đoàn

Căn cứ kế hoạch hoạt động của Liên đoàn và kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động công đoàn phù hợp với tình hình thực tiễn đơn vị.

Tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng nội dung, tiêu chí đảm bảo cho việc thực hiện thành công kế hoạch giáo dục và động viên khen thưởng các tập thể, các nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Vận động công đoàn viên nhà trường tham gia tích cực các đợt thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Giám sát, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn và các cam kết đã ký.

1.4. Tổng phụ trách Đội

Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch sinh hoạt dưới cờ đầu tháng.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh; thực hiện tuyên truyền, giáo dục tư tưởng đạo đức cho học sinh; giới thiệu sách hay, câu chuyện đẹp, tấm gương tốt trên website và fanpage nhà trường.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động của Đội TNTP HCM.

Quản lý và chỉ đạo việc thực hiện nề nếp, các quy định, các hoạt động của học sinh toàn trường.

Tham mưu với Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

1.5. Tổ trưởng tổ chuyên môn

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tuần, tháng, học kỳ, năm học.

Xây dựng chương trình hoạt động của tổ, giúp giáo viên xây dựng kế hoạch chuyên môn, kiểm tra đôn đốc mỗi tổ viên thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra.

Tổ trưởng trao đổi và đánh giá sáng kiến kinh nghiệm giáo dục, tổ chức các hoạt động chuyên môn để nâng cao trình độ tổ viên.

Tổ chức phong trào thi đua trong tổ, nhận xét đánh giá tổ viên đề nghị khen thưởng và kỷ luật đối với tổ viên.

Phân công xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch dạy học.

Phân công người dạy thay khi có tổ viên nghỉ theo chế độ quy định. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 02 lần trong 1 tháng và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Giám sát, đôn đốc, nhắc nhở tổ viên thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn và các cam kết đã ký.

1.6. Tổ phó tổ chuyên môn

Tham mưu cho tổ trưởng trong việc xây dựng kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch tổ.

Điều hành các hoạt động chuyên môn khi được tổ trưởng uỷ quyền.

Thực hiện công việc được Tổ trưởng phân công.

1.7. Giáo viên

Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn, các cam kết đã ký.

Chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu nhà trường, của lãnh đạo tổ và các đoàn thể.

1.8. Nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị:

Tham mưu với Hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình GDPT.

Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị; Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị; Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học; Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế chuyên môn, các cam kết đã ký.

2. Chế độ thông tin báo cáo

Tổ trưởng chuyên môn thường xuyên báo cáo Hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực

hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường. Định kỳ báo cáo theo tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của trường THCS Liên Khê. Hiệu trưởng nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, kế hoạch sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

Kế hoạch này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT (để b/c);
- Đảng ủy, HĐND, UBND phường (để b/c);
- CBGVNV (để t/h);
- Lưu: VT, Hồ sơ trường.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Trọng